TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2017/DSPT
Ngày 13/7/2017
Về việc*: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Thành**
*Các Thẩm phán**:*** Bà **Nguyễn Thị Luyến**
Ông **Nguyễn Văn Được**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Đỗ Văn Nghiêm –** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:*** Ông **Nguyễn Hồng Hiển** – Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Trong ngày 13/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2017/TLPT-DS ngày 13/3/2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 24/01/2017 của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐ-PT ngày 15/5/2017; Thông báo dời lịch phiên tòa số 229/TB-TA ngày 30/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐ-PT ngày 28/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Cụ Huỳnh Thị H, sinh năm 1939

Địa chỉ: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Khắc H, sinh năm 1961

Địa chỉ: đường H, khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trần Đăng K, bà Trần Thanh T – Luật sư văn phòng Luật sư T – Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: đường H, khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận *(cùng có mặt).*

1.2 Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(có mặt).*

2. Bị đơn: bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn S2, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(kháng cáo, có mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Văn K – Luật sư Văn phòng Luật sư N – Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận *(có mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 bà Trịnh Thị N, sinh năm 1957

3.2 bà Trịnh Thị N2, sinh năm 1967

3.3 bà Trịnh Thị T, sinh năm 1978

3.4 ông Trịnh Văn C, sinh năm 1973

3.5 ông Trịnh Văn T, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(cùng có mặt)*.

3.6 bà Trịnh Thị G, sinh năm 1976

3.7 bà Trịnh Thị G2, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: thôn S2, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(cùng có mặt)*.

3.8 bà Trịnh Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – cụ Huỳnh Thị H, đại diện theo ủy quyền – ông Lê Khắc H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – ông Trần Đăng K, bà Trần Thanh T; nguyên đơn – ông Trịnh Văn M, trình bày:

Trước năm 1975, vợ chồng cụ Huỳnh Thị H và cụ Trịnh Văn Đ có khai hoang một thửa đất nông nghiệp tục danh đất cây me ba tầng, diện tích khoảng 18.000m2 nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích là 17.852m^2 thuộc thửa số 59a, 75 tờ bản đồ địa chính số 33 xã P. Gia đình cụ H canh tác trên đất, trồng bắp, dưa, đậu, mì. Đến năm 2000, do thời tiết nắng hạn kéo dài, ít mưa nên không canh tác được, tuy nhiên, hàng năm gia đình vẫn lên trông nom đất. Vào năm 2009, cụ H mượn của bà Võ Thị Kim H 02 lần tiền, 01 lần mượn 300.000 đồng và 01 lần mượn 700.000 đồng. Sau đó, cụ H cho bà H mượn thửa đất số 59a để trồng hoa màu. Việc cho mượn chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ gì. Đến năm 2016, cụ H phát hiện bà H tự ý phá ranh rào đất rẫy của cụ H và chiếm dụng trồng một số loại cây lâu năm nên cụ H đòi đất thì bà H cho rằng cụ H đã bán toàn bộ diện tích thửa đất 59a, 75 cho bà H. Từ đó hai bên xảy ra tranh chấp. UBND xã P hòa giải không thành. Gia đình cụ H làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam thì bà H cung cấp *"giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp"* ngày 21/3/2000. Cụ H không thừa nhận việc sang nhượng đất như nội dung giấy sang nhượng bà H cung cấp. Các chữ ký của cụ H, ông M trong giấy sang nhượng là giả mạo vì ông M không biết chữ. Cụ H, ông M yêu cầu bà H phải giao trả 17.852m^2 đất tranh chấp.

Đối với đơn yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường khi thu hồi đất đứng tên bà H và yêu cầu bà H trả lại số tiền bồi thường đã nhận, cụ H, ông M đề nghị rút lại các yêu cầu này.

Về tài sản trên đất của bà H (cây Dầu lai, cây Xoan), bà H tự ý trồng nên tự xử lý, cụ H, ông M không đồng ý hoàn trả lại giá trị vì chỉ cho bà H mượn đất trồng hoa màu chứ không cho mượn trồng cây lâu năm.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng cụ H mượn của bà H khi nào bà H đòi thì cụ H sẽ trả.

Bị đơn – bà Võ Thị Kim H; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Văn K, trình bày:

Năm 2000, cụ H là dì chồng của bà H có bán cho vợ chồng bà H mảnh đất tục danh cây me ba tầng, diện tích bao nhiêu bà H không biết, chỉ biết đất có tứ cận: Đông giáp đất ông P, Tây giáp đất ông Q, Nam giáp đường đi, Bắc giáp đất ông S; giá bán 1.000.000 đồng. Bà H cho cụ H ứng trước 300.000 đồng, sau đó cụ H dẫn bà đi chỉ ranh giới đất. Sau khi chỉ đất thì về nhà bà H lập *giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp* ngày 21/3/2000 do cụ H đọc cho bà viết, sau đó chồng bà làm việc với cụ H, bà không biết cụ H có ký hay không nên kết luận giám định không phải chữ ký của cụ H thì bà không biết. Cụ H cầm giấy sang nhượng về cho ông M ký tên nên bà cũng không biết có phải chữ ký của ông M hay không. Khi cụ H cầm giấy sang nhượng đưa lại cho bà thì bà mới đưa 700.000 đồng còn lại. Nay chồng bà H đã chết để lại giấy sang nhượng này. Vợ chồng bà H đã canh tác trên đất từ năm 2000 đến nay là hơn 16 năm, đã mướn người ranh rào, trồng các loại cây: Xoan, Dứa, Si rô, Dầu lai,... Bà có một số người làm chứng như ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Q), ông Lê Văn S, ông Huỳnh Ngọc P, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Đ, bà Trần Thị H, bà Dương Thị M, bà Dương Thị L.

Năm 2015, khi dự án làm đường ống nước đi qua, Nhà nước đã thu hồi một số diện tích đất và bồi thường cho bà H 20.000.000 đồng. Việc thu hồi đất và bồi thường có niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã P, cụ H biết nhưng không có ý kiến gì. Đến năm 2016, cụ H nghĩ bà nhận tiền bồi thường nhiều nhưng không cho nên mới xảy ra tranh chấp. Bà H khẳng định đất bà mua có giấy tờ, có người chứng kiến nên hợp pháp. Vợ chồng bà đã trực canh trên đất hơn 16 năm và đã làm hồ sơ đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do chưa có tiền nộp theo quy định nên chưa được cấp. Bà H không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu của cụ H, ông M và những người liên quan.

Đối với số tiền mua đất 1.000.000 đồng đã giao cho cụ H, bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với tài sản trên đất (cây Xoan, cây Dầu lai) và chi phí tôn tạo đất tại giai đoạn sơ thẩm bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì bà H nghĩ rằng đất cụ H đã bán cho bà, bà đang canh tác, quản lý đất nên không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị N2, bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn C, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G2, bà Trịnh Thị T, trình bày:

Diện tích đất tranh chấp tục danh cây me ba tầng có nguồn gốc do cha mẹ các ông, bà là cụ Trịnh Văn Đ và cụ Huỳnh Thị H khai hoang. Các ông, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của cụ H, ông M: Yêu cầu Tòa án buộc bà H giao trả toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho cha mẹ các ông, bà. Hiện cụ Đ đã chết nên các ông, bà đồng ý giao cho mẹ là cụ Huỳnh Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 24/01/2017, Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Áp dụng: Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của cụ Huỳnh Thị H, ông Trịnh Văn M, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị N2, bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn C, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G2 và bà Trịnh Thị T.

Tạm giao cho cụ Huỳnh Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 17.679m^2 (tục danh cây me ba tầng) gồm các thửa theo trích lục số 530 ngày 31/8/2016: thửa số 75 diện tích 8.629m^2 tương ứng các điểm 1, 2, 12, 13; thửa số 59a diện tích 8.576m^2 tương ứng các điểm 3, 4, 5, 10, 11, 12; thửa số 59a diện tích 474m^2 tương ứng các điểm 6, 7, 8, 9; các thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 33 xã P. Toàn bộ khu đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Lương Văn T, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C, phía Nam giáp đường liên xã P2 – P, phía Bắc giáp đất ông M (chết); đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Cụ H liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

Bà H phải chịu 3.500.000 đồng chi phí định giá tài sản và 3.845.000 đồng chi phí giám định chữ ký. Buộc bà H phải hoàn trả cho bà H số tiền đã tạm ứng chi phí định giá và giám định này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2017, bị đơn Võ Thị Kim H có đơn kháng cáo và tại biên bản làm việc ngày 08/5/2017, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn M, công nhận cho bà H quyền sử dụng 17.679m^2 đất tranh chấp.

Ngày 22/02/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có Kháng nghị phúc thẩm số 01/2017/KNPT-DS, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Võ Thị Kim H gửi đến Tòa án ngày 08/02/2017, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận gửi đến Tòa án ngày 23/02/2017, là còn trong hạn luật định, phù hợp với các Điều 271, 272, 273, 278, 279 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn – cụ Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn – bà Võ Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự; người đại diện của đương sự; Luật sư; phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3] Về nguồn gốc đất: Đất tranh chấp có diện tích 17.679m^2 (tục danh đất cây me ba tầng) gồm các thửa 75 và 59a tờ bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T. Thửa đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Lương Văn T, Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C, Nam giáp đường liên xã P2 – P, Bắc giáp đất ông M (chết). Thửa đất có nguồn gốc do gia đình cụ Huỳnh Thị H khai hoang sử dụng từ năm 1999 trở về trước. Tuy nhiên, cụ H không kê khai, đăng ký nên chưa được cấp giấy tờ gì. Bà Võ Thị Kim H thừa nhận nguồn gốc đất là của gia đình cụ H.

[4] Về quyền sử dụng thửa đất:

Bà H không đồng ý trả lại 17.679m^2 đất như yêu cầu của cụ H, ông M vì bà cho rằng cụ H đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà bằng *giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp lập ngày 21/3/2000*. Cụ H, ông M không thừa nhận việc sang nhượng đất và không thừa nhận chữ ký trong giấy sang nhượng đất do bà H cung cấp. Tại Kết luận giám định số 01/KLGĐ ngày 23/11/2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NinhThuận đã kết luận chữ ký trong *giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp lập ngày 21/3/2000* không phải của cụ H, ông M. Do đó, giấy sang nhượng này không có giá trị pháp lý.

Bà H cung cấp chứng cứ là hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã P nhưng do việc chuyển nhượng không có giá trị pháp lý nên chứng cứ này cũng không có giá trị.

Bà H cung cấp Quyết định thu hồi đất số 995/QĐ-UBND ngày 21/4/2015, Quyết định bồi thường khi thu hồi đất số 1217/QĐ-UBND ngày 08/5/2015, của UBND huyện T có tên bà Võ Thị Kim H. Các quyết định này không phải là căn cứ pháp lý xác lập quyền sử dụng các thửa đất tranh chấp là của bà H.

Bà H cung cấp lời khai của những người làm chứng: ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Q), ông Lê Văn S, ông Huỳnh Ngọc P, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Đ, bà Trần Thị H, bà Dương Thị M, bà Dương Thị L. Tuy nhiên, những người làm chứng này cũng không trực tiếp chứng kiến việc

chuyển nhượng đất giữa cụ H và vợ chồng bà H mà chỉ nghe nói lại nên không đảm bảo tính xác thực.

Do đó, việc bà H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giao 17.679m^{2}đất cho cụ H quản lý, sử dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với nội dung *buộc bà H phải trả lại thửa đất đang tranh chấp cho cụ Huỳnh Thị H,* Tòa án cấp sơ thẩm đã khắc phục thiếu sót, bổ sung thêm nội dung này tại Biên bản phối hợp ngày 15/02/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về xử lý tài sản trên đất, chi phí tôn tạo đất:

Bà H cho rằng cụ H đã chuyển nhượng đất cho mình nên tại giai đoạn sơ thẩm, bà H không yêu cầu giải quyết đối với tài sản (cây trồng) trên đất. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà H không có yêu cầu nên tài sản trên đất cho bà H là giải quyết vụ án chưa triệt để, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Trên đất gồm có các tài sản là 124 cây Neem (Xoan), 701 cây Dầu lai do vợ chồng bà H trồng. Tại biên bản định giá tài sản ngày 15/7/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện T xác định số cây trồng này có giá trị 11.431.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu giải quyết tài sản trên đất, cụ H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Trịnh Thị N, Trịnh Thị N2, Trịnh Thị T, Trịnh Văn C, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G2 và Trịnh Thị T đồng ý hoàn lại số tiền 11.431.000 đồng (trị giá 124 cây Neem (Xoan), 701 cây Dầu lai) theo yêu cầu của bà H, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và giao 124 cây Neem và 701 cây Dầu lai cho cụ H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sỡ hữu.

Đối với công tôn tạo đất của vợ chồng bà H từ năm 2000 đến nay là 17 năm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại cấp sơ thẩm bà H không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự riêng biệt khi bà H có đơn khởi kiện theo quy định.

Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết phần tài sản trên đất là vi phạm. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể khắc phục được nên thiết nghĩ cần sửa một phần bản án sơ thẩm nhằm giải quyết vụ án được triệt để.

Từ các nội dung trên, xét thấy: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Võ Thị Kim H về việc sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Thị H và ông Trịnh Văn M, công nhận cho bà H quyền sử dụng 17.679m^2 đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận; Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là chưa phù hợp để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

1. Buộc bà Võ Thị Kim H trả lại cho hộ cụ Huỳnh Thị H 17.679m^2 đất (tục danh cây me ba tầng), gồm thửa số 75 diện tích 8.629m^2 và thửa số 59a diện tích 474m^2, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Khu đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Lương Văn T, Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C, Nam giáp đường liên xã P2 – P, Bắc giáp đất ông M (đã chết).

2. Giao cho hộ cụ Huỳnh Thị H được quyền sử dụng 17.679m^2 đất (tục danh cây me ba tầng), gồm thửa số 75 diện tích 8.629m^2 và thửa số 59a diện tích 474m^2, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Khu đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Lương Văn T, Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C, Nam giáp đường liên xã P2 – P, Bắc giáp đất ông M (đã chết).

Hộ cụ Huỳnh Thị H liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính)

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Buộc cụ Huỳnh Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Trịnh Thị N, Trịnh Thị N2, Trịnh Thị T, Trịnh Văn C, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G2 và Trịnh Thị T hoàn lại giá trị tài sản (cây trồng) trên đất cho bà Võ Thị Kim H số tiền: 11.431.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

4. Giao cho cụ Huỳnh Thị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Trịnh Thị N, Trịnh Thị N2, Trịnh Thị T, Trịnh Văn C, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G2 và Trịnh Thị T được quyền sở hữu các tài sản (cây trồng) trên diện tích 17.679m^2 đất gồm: 124 cây Neem (Xoan) phi < 30cm, 701 cây Dầu lai loại chưa thu hoạch.

5. Bà Võ Thị Kim H phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản và 3.845.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký. Buộc bà H phải hoàn trả lại cho cụ Huỳnh Thị H số tiền đã tạm ứng chi phí định giá và giám định này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Bà Võ Thị Kim H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ cho bà H 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 5691 ngày 08/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận để nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu.

Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Cụ Huỳnh Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Trịnh Thị N, Trịnh Thị N2, Trịnh Thị T, Trịnh Văn C, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G2 và Trịnh Thị T phải chịu 571.550 đồng (Năm trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Tiếp tục tạm giữ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cụ Huỳnh Thị H đã nộp theo Biên lai thu số 5644 ngày 26/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn M 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 5644 ngày 26/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/7/2017./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- TAND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự; người đại diện; Luật sư;
- HCTP; KTNV;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thành